TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAM RÔNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HS-ST
Ngày: 05-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Hải Dương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Phát
Bà Ngụy Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 12 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Giàng A N, sinh ngày: 01/01/1983 tại Sơn La; Nơi cư trú: thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: H' Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng Chứ X và bà Vàng Thị G (đã chết); Có vợ là Mùa Thị L và 10 con. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2024, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ - Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà **Dương Thị H** và bà **Lê Thanh L1** là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L. Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ban Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đại diện hợp pháp của Ban Q: Ông Nguyễn Thanh P – Phó Trưởng Ban Q. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Anh **Ngô Thanh T**; Sinh năm: 1991;
Địa chỉ: thôn A, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.
- Anh **Giàng A K;** Sinh năm: 2002;
Địa chỉ: TK A, thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.
- Anh **Giàng A S;** Sinh năm: 2004;
Địa chỉ: TK A, thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.
- Chị **Mùa Thị L;** Sinh năm: 1995;
Địa chỉ: TK A, thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.
- Chị **Giàng Thị P1;** Sinh năm: 2001;
Địa chỉ: TK A, thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.
- Anh **Giàng A N1;** Sinh năm: 1989;
Địa chỉ: TK A, thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Giàng A H1 ; Nơi cư trú: TK A, thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt

+ Ông Cư A P2; Nơi cư trú: TK A, thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giàng A N là người dân tộc thiểu số sinh sống tại thôn C, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Do gia đình nghèo, đông con nên thiếu đất canh tác. Gia đình bị cáo canh tác một thửa ruộng tại lô 3, khoảnh 2, TK197, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giáp với diện tích đất rừng lồ ô, le tép nên N nảy sinh ý định phát phá rừng, lấy đất canh tác. Vào khoảng tháng 5 năm 2024, bị cáo sử dụng dao phát chặt hạ toàn bộ cây lồ ô, le tép tại khu vực này, trong thời gian hai ngày rưỡi. Khoảng hai tuần sau, N đến gom toàn bộ cây lồ ô, le tép đã chặt hạ và dùng quẹt châm lửa đốt. Đến ngày 17/6/2024, bị cáo thuê Giàng A N1 dùng máy múc để dọn các cây lồ ô, le tép còn sót lại và san bằng diện tích đất để trồng sầu riêng, khi máy múc đang san gạt thì bị lực lượng chức năng phát hiện và lập biên bản.

Theo kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: diện tích rừng bị phát phá thuộc lô 3 khoảnh 2 tiểu khu A, địa giới hành chính xã L, huyện Đ. Hiện trường đã bị xáo trộn, toàn bộ các cây lô ô, le tép bị chặt hạ được gom vào một chỗ để đốt, một phần bị vùi lấp do đã bị san ủi, đã múc 02 đường băng, chiều rộng khoảng 2,5m, chiều dài đường băng khoảng 70m đến 120m, Tổng diện tích rừng bị phát phá là 4.848m^2 (0.4848 ha). Tổng số 4.128 cây lồ ô bị chặt hạ, đường kính trung bình 06 cm, chiều cao trung bình 7,6m.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 24/06/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, kết luận: Giá trị thiệt hại về lâm sản đối với 4.848m^2 rừng với 4.128 cây lồ ô bị hủy hoại một phần lô 3, khoảnh 2, TK A xã L là 5.138.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại về lâm sản và môi trường rừng trên diện tích rừng 4.848 m^2 tại Lô C, khoảnh 2, TK A xã L là 24.729.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 06 dao phát cán gỗ do bị cáo và gia đình bị cáo giao nộp:

+ 01 dao phát dài 66 cm, cán gỗ, lưỡi dao kim loại dài 38 cm.

+ 01 dao phát dài 71cm, cán gỗ, lưỡi dao kim loại dài 38cm.

+ 01 dao phát dài 78cm, cán gỗ, lưỡi dao kim loại dài 43cm.

+ 01 dao phát dài 82cm, cán gỗ, lưỡi dao kim loại dài 43cm.

+ 01 dao phát dài 84cm, cán gỗ, lưỡi dao kim loại dài 38cm.

+ 01 dao phát dài 90cm, cán gỗ, lưỡi dao kim loại dài 43cm.

Bản cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 08/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Giàng A N về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; Điều 38, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo hình phạt tù bằng thời hạn tạm giam. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 06 dao phát cán gỗ.

Bị cáo không thắc mắc, khiếu nại bản cáo trạng, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất về tội danh bị truy tố, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội vì hoàn cảnh quá khó khăn, gia đình đông con và bị cáo thiếu hiểu biết, trình độ học vấn thấp, bị cáo là lao động chính. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo hình phạt tù bằng thời hạn tạm giam.

Đại diện Ban Q yêu cầu bị cáo cùng gia đình tiếp tục có trách nhiệm chăm sóc phần rừng trồng theo cam kết đến năm 2027.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo trình bày trong thời gian tạm giam đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo sớm được về cùng với gia đình chăm sóc, bảo vệ phần rừng đã trồng trong 04 năm. .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của chứng cứ, tài liệu và các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên toà, bị cáo Giàng A N khai nhận khoảng tháng 5 năm 2024, bị cáo sử dụng dao phát chặt hạ toàn bộ cây lồ ô, le tép tại khu vực rừng thuộc lô 3 khoảnh 2 tiểu khu A, địa giới hành chính xã L, huyện Đ, sau đó gom và đốt rồi thuê người dùng máy múc để múc và san bằng thì bị lực lượng chức năng phát hiện và lập biên bản.

Theo kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: diện tích rừng bị phát phá thuộc lô 3 khoảnh 2 tiểu khu A, địa giới hành chính xã L, huyện Đ. Hiện trường đã bị xáo trộn, toàn bộ các cây lô ô, le tép bị chặt hạ được gom vào một chỗ để đốt, một phần bị vùi lấp do đã bị san ủi, đã múc 02 đường băng, chiều rộng khoảng 2,5m, chiều dài đường băng khoảng 70m đến 120m, Tổng diện tích rừng bị phát phá là 4.848m^2 (0.4848 ha). Tổng số 4.128 cây lồ ô bị chặt hạ, đường kính trung bình 06 cm, chiều cao trung bình 7,6m.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐGTS ngày 24/06/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, kết luận: Giá trị thiệt hại về lâm sản đối với 4.848m^2 rừng với 4.128 cây lồ ô bị hủy hoại một phần lô 3, khoảnh 2, TK A xã L là 5.138.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại về lâm sản và môi trường rừng trên diện tích rừng 4.848 m^2 tại Lô C, khoảnh 2, TK A xã L là 24.729.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cũng như phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội "Huỷ hoại rừng" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm do hành vi của bị cáo gây ra: tính chất của vụ án là nghiêm trọng vì đã xâm phạm đến chế độ quản lý rừng của Nhà nước, xâm phạm đến môi trường sinh thái. Bị cáo biết rừng là tài nguyên quý của đất nước, là bộ phận quan trọng của môi trường sinh thái, có giá trị to lớn đối với nền kinh tế của đất nước và đời sống của nhân dân, pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi huỷ hoại tài nguyên rừng. Nhưng để có đất canh tác, bị cáo đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi phát, phá cây lồ ô rồi gom đốt, gây thiệt hại trên diện tích 4.848 m^2 đất rừng, đối tượng rừng phòng hộ là rừng tự nhiên, trạng thái rừng lồ ô. Những năm gần đây, Nhà nước và địa phương đã có nhiều chính sách, tuyên truyền về quản lý và bảo vệ rừng, có nhiều biện pháp ngăn chặn hành vi phá rừng, nhưng

trên địa bàn tình hình huỷ hoại rừng, khai thác rừng trái phép diễn ra ngày càng nhiều, tính chất ngày càng phức tạp, do vậy cần áp dụng đối với bị cáo một mức án nghiêm khắc để răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả bằng việc trồng lại rừng trên toàn bộ diện tích phát phá bằng cây thông ba lá, được phía Ban quản lý rừng xác nhận và gia đình bị cáo cam kết chăm sóc toàn bộ diện tích rừng trồng này trong vòng 04 năm để giao lại cho Ban quản lý rừng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: Bị cáo phạm tội do thiếu hiểu biết, do muốn có đất sản xuất, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính vì ngoài vợ thì bị cáo còn 07 con nhỏ chưa thành niên. Phần rừng bị cáo hủy hoại là cây lồ ô, le tép, giá trị thiệt hại về lâm sản không lớn. Bị cáo đã tác động gia đình và gia đình bị cáo đã trồng lại rừng toàn bộ bằng thông ba lá và được Ban quản lý rừng xác nhận. Bị cáo thực sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, bị cáo đã bị tạm giam 05 tháng 21 ngày, đủ thời gian giáo dục, cải tạo với bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo hình phạt tù bằng thời hạn tạm giam như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng như Người bào chữa cho bị cáo để bị cáo được hòa nhập cộng đồng, trở về với gia đình nuôi dạy con cái và tiếp tục chăm sóc phần rừng trồng theo cam kết để sau này giao lại cho Ban quản lý rừng.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã tự nguyện khắc phục hậu quả nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 243 đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: Vật chứng cơ quan điều tra thu giữ là 06 dao phát cán gỗ do bị cáo và gia đình giao nộp, gồm: 01 dao phát dài 66 cm, cán gỗ, lưỡi dao kim loại dài 38 cm; 01 dao phát dài 71cm, cán gỗ, lưỡi dao kim loại dài 38cm; 01 dao phát dài 78cm, cán gỗ, lưỡi dao kim loại dài 43cm; 01 dao phát dài 82cm, cán gỗ, lưỡi dao kim loại dài 43cm; 01 dao phát dài 84cm, cán gỗ, lưỡi dao kim loại dài 38cm; 01 dao phát dài 90cm, cán gỗ, lưỡi dao kim loại dài 43cm. Trong các vật chứng trên có 01 con dao là công cụ, phương tiện bị cáo phạm tội, các con dao khác do được hướng dẫn nên gia đình bị cáo nộp, tuy nhiên hiện nay không còn giá trị sử dụng, những người trong gia đình bị cáo không yêu cầu nhận lại những vật chứng này nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu huỷ.

[8] Về vấn đề khác: Quá trình điều tra ban đầu, do được hướng dẫn nên các con

bị cáo là Giàng A S và Giàng A K khai nhận cùng bị cáo thực hiện hành vi phát phá rừng để được nhẹ tội chứ thực tế không thực hiện hành vi phát, phá rừng. Viện kiểm sát đã yêu cầu cơ quan điều tra xác minh, làm rõ nhưng không chứng minh được K và S là đồng phạm. Viện kiểm sát đã ra Quyết định hủy bỏ Quyết định khởi tố bị can đối với Giàng A S và Giàng A K là đúng quy định. Đối với phần rừng thông ba lá gia đình bị cáo Giàng A N đã trồng để khắc phục hậu quả thì bị cáo Giàng A N cùng gia đình có trách nhiệm tiếp tục chăm sóc, bảo vệ phần rừng trồng theo cam kết trong 04 năm để sau này giao lại cho Ban Q1 quản lý.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo; nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm c khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 32, Điều 38, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Các điều 106, 135, 136, 299, 326, 328, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Giàng A N phạm tội "Hủy hoại rừng".

2. Xử phạt bị cáo Giàng A N 05 (năm) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày tù, bằng thời hạn tạm giam. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Giàng A N, nếu bị cáo N không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy:

- 01 dao phát dài 66 cm, cán gỗ, lưỡi dao kim loại dài 38 cm.
- 01 dao phát dài 71cm, cán gỗ, lưỡi dao kim loại dài 38cm.
- 01 dao phát dài 78cm, cán gỗ, lưỡi dao kim loại dài 43cm.
- 01 dao phát dài 82cm, cán gỗ, lưỡi dao kim loại dài 43cm.
- 01 dao phát dài 84cm, cán gỗ, lưỡi dao kim loại dài 38cm.
- 01 dao phát dài 90cm, cán gỗ, lưỡi dao kim loại dài 43cm.

(Tình trạng vật chứng như tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/10/2024 giữa Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Giàng A N phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu

cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- VKSND huyện Đam Rông (02);
- Chi cục THADS huyện Đam Rông (01);
- Công an huyện Đam Rông (02);
- Hạt kiểm lâm huyện Đam Rông (01);
- Bộ phận theo dõi THAHS;
- Bị cáo; Người bào chữa.
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Hải Dương